



THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kết cấu - Mạnh - Nội thành công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02272/2025/PKQ(25.1397)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần May Sông Hồng
- Địa chỉ : Số 105 Nguyễn Đức Thuận, Phường Quang Trung, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định
- Ngày lấy mẫu : 08/04/2025
- Ngày trả kết quả : 28/04/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	N090425-013	NT1	Nước thải trước xử lý (572368; 2262686)	Nước thải
2	N090425-014	NT2	Nước thải sau xử lý (572360; 2262681)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT1	NT2	Cột A
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,5	7,3	6 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	496	274	-
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	111,5	2,69	30
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	416	50	50
5	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	0,64	3,90	-
6	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	4,19	0,696	-
7	Dầu mỡ ĐTV ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017(hủy)	5,4	0,98	-
8	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540 B&C:2017(hủy)	KPH (MDL = 0,020)	KPH (MDL = 0,020)	-
9	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL = 0,020)	KPH (MDL = 0,020)	0,2
10	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	4,88	0,75	5
11	Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	5,4 x 10 ³	7,9 x 10 ²	3.000

Chú thích:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

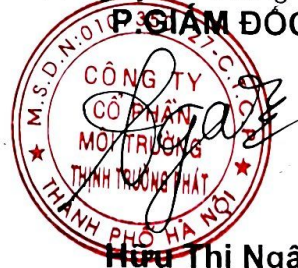
TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hứa Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

VIMCERTS 316

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02273/2025/PKQ(25.1397)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần May Sông Hồng
2. Địa chỉ : Số 105 Nguyễn Đức Thuận, Phường Quang Trung, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
3. Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định
4. Ngày lấy mẫu : 08/04/2025
5. Ngày trả kết quả : 28/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT090425-008	KT8	Khí thải ống khói số 8 (572453; 2262614)	Khí thải
2	KT090425-009	KT7	Khí thải ống khói số 7 (572455; 22625610)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT8	KT7	Cột B	Nồng độ tối đa
1	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	-	US EPA Method 3	29,9	29,9	-	-
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	TTP.SĐN.KT.01	30	30	-	-
3	Áp suất ^(b)	mmHg	US EPA Method 2	757	757	-	-
4	Lưu lượng ^(b)	m³/h	US EPA Method 2	19.975	20.125	-	-
5	Vận tốc ^(b)	m/s	US EPA Method 02	5,7	5,7	-	-
6	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm³	US EPA Method 5	57,8	62,2	200	-
7	CO ^(b)	mg/Nm³	TTP.SĐN.KT.04	0,684	0,6042	1.000	-
8	SO ₂ ^(b)	mg/Nm³	TTP.SĐN.KT.05	1,57	1,23	500	-
9	Hàm ẩm ^(b)	%	US EPA Method 4	4	4	-	-
10	NO ₂ ^(b)	mg/Nm³	TTP.SĐN.KT.08	0,000	0,000	-	-

Chú thích:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyên

P. GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG
THỊNH TRƯỜNG PHÁT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

